

Số: 03/QĐ-MNTHD

Trần Hưng Đạo, ngày 13 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

*V/v công khai các khoản thu của trẻ học kỳ II năm học 2024-2025*

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TRẦN HƯNG ĐẠO**

*Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường MN, GDPT và các CSGD đào tạo công lập khác thực hiện chương trình GDPT trên địa bàn tỉnh Hải Dương;*

*Căn cứ Nghị quyết họp Ban đại diện CMHS trường mầm non Trần Hưng Đạo ngày 03/01/2025; Nghị quyết họp phụ huynh học sinh các nhóm, lớp ngày 03/01/20245;*

*Xét đề nghị của bộ phận kế toán;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai các khoản thu của trẻ học kỳ II năm học 2024-2025 trường mầm non Trần Hưng Đạo (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Thời gian công khai từ ngày 13/01/2025 đến hết ngày 19/01/2025.

**Điều 3.** Giao cho bộ phận kế toán - văn thư có trách nhiệm công khai Quyết định này trên Website của trường mầm non Trần Hưng Đạo theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3,
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Thị Thu Hương**



**DANH SÁCH CÁC KHOẢN THU CỦA TRẺ HỌC KỲ II  
NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-MNTHĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025  
của Hiệu trưởng trường MN Trần Hưng Đạo)

Các khoản đóng góp	Nhà trẻ	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Ghi chú
<b>I. Thu theo quy định</b>					
1. Học phí (1 trẻ/ tháng)	165.000	135.000	135.000	0	
<b>II. Thu theo thỏa thuận</b>					
1. Tiền ăn (1 trẻ/ ngày)	232.000	23.000	223.000	23.000	
2. Tiền chăm sóc, phục vụ bán trú (1 trẻ/tháng)	305.000	305.000	305.000	305.000	
3. Tiền phụ phí (1 trẻ/ tháng)	65.000	65.000	65.000	65.000	
4. Tiền trông trẻ thứ 7 (1 trẻ/ ngày)	60.000	60.000	60.000	60.000	
5. Tiền lao công, vệ sinh (1 trẻ/ tháng)	20.000	20.000	20.000	20.000	
6. Tiền nước uống của trẻ (1 trẻ/ tháng)	5.000	5.000	5.000	5.000	
7. Tiền đồ dùng cá nhân cho trẻ tham gia bán trú lần đầu (1 trẻ/ khóa học)	200.000	200.000	200.000	200.000	
8. Tiền đồ dùng học tập (1 trẻ/ năm)	115.000	125.000	125.000	135.000	
9. Tiền điện dùng điều hòa (Căn cứ vào thực tế số điện năng điều hòa của từng lớp, căn cứ vào số cháu của lớp để tính số tiền điện thu của trẻ)					
<b>III. Thu tự nguyện</b>					
1. Các khoản viện trợ, tài trợ, quà biếu, cho, tặng của các tổ chức, cá nhân (bằng tiền mặt hoặc hiện vật): giai đoạn 2 từ tháng 9/2024 đến hết ngày 31/3/2025					
2.. Kinh phí hoạt động Ban đại diện CMHS do phụ huynh tự nguyện xây dựng, đồng thuận thống nhất quản lý thu chi					

**Ngoài các khoản thu trên, nhà trường cam kết không có bất kỳ một khoản thu nào ngoài quy định.**



Số: 01/TTr-MNTHĐ

TP. Hải Dương, ngày 10 tháng 01 năm 2025

## TỜ TRÌNH

### Đề nghị thẩm định, phê duyệt các khoản thu năm học 2024-2025

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Dương

Thực hiện Hướng dẫn số 2528/HDLN/SGDDĐT-STC ngày 15/11/2024 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo - Tài chính về việc hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng các khoản thu trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; công văn số 3671/UBND-GDDĐT ngày 11/12/2024 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện thu, quản lý sử dụng các khoản thu tại các cơ sở giáo dục trực thuộc; công văn 131/CV-TCKH ngày 06/12/2024 của phòng Tài chính- Kế hoạch về việc triển khai một số nội dung liên quan đến văn bản số 2528/HDLN/SGDDĐT-STC của Liên sở Giáo dục và Đào tạo - Tài chính Hải Dương; công văn số 09/CV-PGDĐT ngày 03/01/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Dương về việc Hướng dẫn thu, chi, hạch toán kế toán, báo cáo tài chính và công khai tài chính trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2024-2025.

Trường MN Trần Hưng Đạo đã triển khai tổ chức thực hiện các khoản thu trong nhà trường năm học 2024 - 2025 như sau:

1. Thống nhất chủ trương về kế hoạch thu các khoản thu, dự kiến nội dung chi, mức thu trong Ban Giám hiệu, Hội đồng trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh - Biên bản theo Mẫu số 01 gửi kèm .

2. Lấy ý kiến thống nhất của tập thể cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị - Biên bản theo Mẫu số 02 gửi kèm.

3. Căn cứ các quy định tài chính hiện hành; các văn bản hướng dẫn thực hiện hoạt động dạy và học của cấp có thẩm quyền; giá cả thị trường; chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có); nhu cầu cần thiết, Nhà trường đã lập kế hoạch thu, chi và dự toán chi tiết bao gồm dự kiến nguồn thu, các nội dung chi, dự kiến mức chi cụ thể đối với các khoản thu không quy định tại Nghị quyết 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương, trên cơ sở đó xác định mức thu của từng khoản thu năm học 2024-2025 (theo Mẫu số 03 gửi kèm) với nội dung chính sau:

**3.1. Khoản thu tiền nước uống cho học sinh**

+ Dự kiến mức thu: 5.000 đồng/ trẻ/ tháng

+ Dự kiến nội dung chi: Thanh toán tiền mua nước uống tinh khiết cho các cháu; Chi sửa chữa, bảo dưỡng cây nước nóng lạnh.

**\* Trường hợp mua nước uống đóng chai.**

*Mua nước uống;*

*Chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có;)*

*Chi phí công cụ, dụng cụ phục vụ trực tiếp cho việc tổ chức phục vụ nước*

*uống cho học sinh.*

**3.2. Khoản thu tiền đồ dùng, đồ chơi và chơi học liệu**

+ Mức thu: Nhà trẻ: 115.000đồng/trẻ

Trẻ 3,4 tuổi: 125.000đồng/trẻ

Trẻ 5 tuổi: 135.000đồng/trẻ

+ Nội dung chi: Mua đồ dùng, học liệu cho trẻ. Thực hiện quy trình theo TT47/2020-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở GDMN

**3.3. Khoản thu làm quen với tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo**

+ Dự kiến mức thu: Không

+ Dự kiến nội dung chi:

*Nộp thuế:*

*Chi khác...(yêu cầu chi tiết từng nội dung cụ thể).*

**3.4. Khoản thu Hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ năng khiếu**

+ Dự kiến mức thu: Không

+ Dự kiến nội dung chi:

*Nộp thuế:*

*Chi khác...(yêu cầu chi tiết từng nội dung cụ thể).*

**4. Niêm yết công khai dự kiến kế hoạch thu, chi và dự toán chi tiết các khoản thu trong nhà trường:**

- Hình thức công khai: Trên trang Websie trường, bảng tin trường

- Thời gian công khai: 1 tuần

Sau khi kết thúc thời gian niêm yết, nhà trường đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia; hoàn thiện kế hoạch thu, chi và dự toán chi tiết các khoản thu trong nhà trường năm học 2024-2025 (Lần 1) - Tổng hợp ý kiến tham gia, tiếp thu, giải trình theo Mẫu số 04 gửi kèm.

**5. Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai thỏa thuận, lấy ý kiến thống nhất của toàn thể cha mẹ học sinh - Biên bản thỏa thuận của từng lớp theo Mẫu số 05 gửi kèm.**

**6. Tổng hợp ý kiến tham gia của cha mẹ học sinh toàn trường để hoàn chỉnh kế hoạch thu, chi và dự toán chi tiết các khoản thu trong nhà trường năm học 2024-2025 (Lần 2) - Tổng hợp ý kiến tham gia, tiếp thu, giải trình theo Mẫu số 06 gửi kèm.**

Kính trình Phòng giáo dục và Đào tạo thẩm định, phê duyệt để nhà trường tổ chức thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu:



**Phạm Thị Thu Hương**



Số: 01/BC-MNTHĐ

TP. Hải Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2025

## BÁO CÁO

### Thực hiện các khoản thu học kỳ II năm học 2024-2025

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Dương

Thực hiện Hướng dẫn số 2528/HDLN/SGDDT-STC ngày 15/11/2024 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo - Tài chính về việc hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng các khoản thu trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; Công văn số 3671/UBND - GDMN ngày 11/12/2024 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện thu, quản lý sử dụng các khoản thu tại các cơ sở giáo dục trực thuộc; công văn 131/CV-TCKH ngày 06/12/2024 của phòng Tài chính- Kế hoạch về việc triển khai một số nội dung liên quan đến văn bản số 2528/HDLN/SGDDT-STC của Liên sở Giáo dục và Đào tạo - Tài chính Hải Dương; công văn số 09/CV-PGDĐT ngày 03/01/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Dương về việc Hướng dẫn thu, chi, hạch toán kế toán, báo cáo tài chính và công khai tài chính trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2024-2025.

Trường MN Trần Hưng Đạo đã triển khai tổ chức thực hiện các khoản thu trong nhà trường năm học 2024 - 2025 như sau:

1. Thống nhất chủ trương về kế hoạch thu các khoản thu, dự kiến nội dung chi, mức thu trong Ban Giám hiệu, Hội đồng trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh - Biên bản theo Mẫu số 01 gửi kèm.
2. Lấy ý kiến thống nhất của tập thể cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị - Biên bản theo Mẫu số 02 gửi kèm.
3. Căn cứ các quy định tài chính hiện hành; các văn bản hướng dẫn thực hiện hoạt động dạy và học của cấp có thẩm quyền; giá cả thị trường; chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có); nhu cầu cần thiết... Nhà trường đã lập kế hoạch thu, chi và dự toán chi tiết bao gồm dự kiến nguồn thu, các nội dung chi, dự kiến mức chi cụ thể, trên cơ sở đó xác định mức thu của từng khoản thu năm học 2024-2025 (theo Mẫu số 03 gửi kèm) với nội dung cụ thể sau:

**3.1. Các khoản thu được quy định tại Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương:**

**3.1.1 Dịch vụ trông trẻ thứ 7**

- Mức thu: 60.000 đồng/ trẻ/ ngày

- Nội dung chi:

Chi công tác quản lý, NV: 25%

Chi gv trực tiếp giảng dạy: 71%

Chi điện, nước, VP phẩm: 2%

Nộp thuế DN: 2%

**3.1.2. Dịch vụ trông trẻ trong hè**

- Mức thu: 6.300 đồng/ trẻ/ giờ
- Nội dung chi:  
Chi người nấu ăn: 25%  
Chi trông trưa, ngoài giờ: 53%  
Quản lý: 20%  
Nộp thuế DN: 2%

### 3.1.3. Đón sớm trả muộn

- Mức thu: Không
- Nội dung chi:

### 3.1.4. Tiền ăn sáng của trẻ mầm non (Nếu có)

- Mức thu: Không
- Nội dung chi:

### 3.1.5. Tiền ăn

- Mức thu: 23.000 đồng/trẻ/ ngày
- Nội dung chi: Nhà trẻ 2 bữa chính+ 1 bữa phụ; Mẫu giáo 1 bữa chính+ 1

bữa phụ.

### 3.1.6. Dịch vụ vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh

- Mức thu: 20.000 đồng/học sinh/tháng
- Nội dung chi:

- + Chi tiền công cho nhân viên quét dọn:
- + Mua sắm dụng cụ lao công, vệ sinh.
- + Chi phí dịch vụ vệ sinh môi trường.

### 3.1.7. Dịch vụ chăm sóc, phục vụ bán trú

- Mức thu: 305.000 đồng/ trẻ/tháng
- Nội dung chi: Chi tiền công cho giáo viên làm ngoài trông trưa; chi công

tác quản lý, chi tiền công cho nhân viên nấu ăn.

### 3.1.8. Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú

- +Mức thu: 200.000 đồng/ trẻ/ khóa
- + Nội dung chi: công cụ, dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân phục vụ dịch vụ bán trú

(Mức thu không quá 200.000 đồng/học sinh từ thời điểm ăn bán trú đến hết khoá học)

### 3.1.9. Thu dịch vụ tin nhắn, số liên lạc điện tử (Nếu có)

- Căn cứ xây dựng mức thu: Báo giá dịch vụ của các đơn vị cung cấp dịch vụ.
- + Mức thu: Không
- + Nội dung chi:

### 3.1.10. Thu dịch vụ điều hòa phục vụ nhu cầu của học sinh

- Mức thu: Theo thực tế số tiền ghi trên công tơ và số tiền sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng theo thực tế của từng lớp

- Nội dung chi:

Chi tiền điện: Số điện năng tiêu thụ thực tế x đơn giá/ số học sinh (từng lớp)

Chi sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng: Theo thực tế phát sinh / số học sinh của lớp

## 3.2. Các khoản thu quy định tại các văn bản khác:

### 3.2.1. Khoản thu tiền nước uống cho học sinh

- Dự kiến mức thu: 5.000 đồng/ trẻ/ tháng



- Dự kiến nội dung chi: Thanh toán tiền mua nước uống tinh khiết cho các cháu; Chi sửa chữa, bảo dưỡng cây nước nóng lạnh.

\* Trường hợp mua nước uống đóng chai.

Chi phí mua nước uống;

Chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có);

Chi phí công cụ, dụng cụ phục vụ trực tiếp cho việc tổ chức phục vụ nước uống cho học sinh.

### 3.2.2. Khoản thu tiền đồ dùng, đồ chơi và học liệu

- Mức thu: Nhà trẻ: 115.000đồng/trẻ

Trẻ 3,4 tuổi: 125.000đồng/trẻ

Trẻ 5 tuổi: 135.000đồng/trẻ

- Nội dung chi: Mua đồ dùng, học liệu cho trẻ. Thực hiện quy trình theo TT47/2020-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở GDMN.

### 3.2.3. Khoản thu làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo

- Mức thu: Không

- Nội dung chi:

### 3.2.4. Khoản thu Hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ năng khiếu

- Mức thu: Không

- Nội dung chi:

4. Niêm yết công khai dự kiến kế hoạch thu, chi và dự toán chi tiết các khoản thu trong nhà trường:

- Hình thức công khai: Bảng tin, trên trang Website của nhà trường

- Thời gian công khai: 7 ngày

Sau khi kết thúc thời gian niêm yết, nhà trường đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia; hoàn thiện kế hoạch thu, chi và dự toán chi tiết các khoản thu trong nhà trường năm học 2024-2025 (Lần 1) - Tổng hợp ý kiến tham gia, tiếp thu, giải trình theo Mẫu số 04 gửi kèm.

5. Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai thỏa thuận, lấy ý kiến thống nhất của toàn thể cha mẹ học sinh - Biên bản thỏa thuận của từng lớp theo Mẫu số 05 gửi kèm.

6. Tổng hợp ý kiến tham gia của cha mẹ học sinh toàn trường để hoàn chỉnh kế hoạch thu, chi và dự toán chi tiết các khoản thu trong nhà trường năm học 2024-2025 (Lần 2) - Tổng hợp ý kiến tham gia, tiếp thu, giải trình theo Mẫu số 06 gửi kèm.

Trường MN Trần Hưng Đạo báo cáo Phòng giáo dục và Đào tạo để theo dõi, kiểm tra và giám sát thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

HIỆU TRƯỞNG  
  
 PHẠM THỊ THU HƯƠNG

## BIÊN BẢN

Về việc thống nhất chủ trương về kế hoạch thu, dự kiến nội dung chi, mức thu của các khoản thu trong nhà trường năm học 2024-2025

Hôm nay ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại Trường MN Trần Hưng Đạo, Địa chỉ: Số 1- Phạm Sư Mệnh, Chúng tôi gồm:

### I. THÀNH PHẦN

#### 1. Ban giám hiệu

- Bà: Phạm Thị Thu Hương
- Bà: Trương Thị Hồng Hạnh

Chức vụ: Hiệu trưởng;  
Chức vụ: Phó hiệu trưởng;

#### 2. Hội đồng trường

- Bà: Phạm Thị Hương
- Bà: Nguyễn Thị Thu Hà
- Bà: Phạm Thị Thành

Chức vụ: Thành viên;  
Chức vụ: Thành viên;  
Chức vụ: Thành viên;

#### 3. Ban đại diện cha mẹ học sinh

- Bà: Phạm Thị Ngân
- Bà: Đào Thị Thúy Liễu
- Bà: Nguyễn Ngọc Thảo

Chức vụ: Trưởng ban ĐDCMHS;  
Chức vụ: ĐDCMHS;  
Chức vụ: ĐDCMHS;

### II. NỘI DUNG

Đã tiến hành họp và thống nhất chủ trương về kế hoạch thu, dự kiến nội dung chi, mức thu của các khoản thu trong nhà trường năm học 2024-2025 với nội dung như sau:

**1. Các khoản thu được quy định tại Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương:**

#### 1.1. Dịch vụ trông trẻ thứ 7

1. Mức thu: 60.000 đồng/ trẻ/ ngày

2. Nội dung chi:

*Chi công tác quản lý, NV: 25%*

*Chi gv trực tiếp giảng dạy: 71%*

*Chi điện, nước, VP phẩm: 2%*

*Nộp thuế DN: 2%*

#### 1.2. Dịch vụ trông trẻ trong hè

- Mức thu: 6.300 đồng/ trẻ/ giờ

- Nội dung chi:

*Chi người nấu ăn: 25%*

*Chi trông trưa, ngoài giờ: 53%*

*Quản lý: 20%*

*Nộp thuế DN: 2%*

#### 1.3. Đón sớm trả muộn

- Mức thu: Không

- Nội dung chi:



#### 1.4. Tiền ăn sáng của trẻ mầm non

- Mức thu: Không

- Nội dung chi:

#### 1.5. Tiền ăn

- Mức thu: 23.000 đồng/trẻ/ ngày

- Nội dung chi: Nhà trẻ 2 bữa chính+ 1 bữa phụ; Mẫu giáo 1 bữa chính+ 1 bữa phụ

#### 1.6. Phụ phí (Chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)

+ Mức thu: 65.000 đồng/trẻ/ tháng

+ Nội dung chi: Chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa

#### 1.7. Dịch vụ chăm sóc, phục vụ bán trú (trả người nấu ăn, nhân viên cấp

**duỡng, trông trưa, quản lý)**

+ Mức thu: 305.000 đồng/trẻ/ tháng

+ Nội dung chi:

*Chi tiền nhân viên nấu ăn: 8.000.000 đồng*

*Chi công tác quản lý: 20%*

*Chi trông trưa: 73%*

*Chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có): 5%*

*Nộp thuế: 2%*

*Chi phí khác:*

**1.8. Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú (công cụ, dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân phục vụ dịch vụ bán trú) từ thời điểm ăn bán trú đến hết khoá học**

+ Mức thu: 200.000 đồng/ trẻ/ khoá

+ Nội dung chi: công cụ, dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân phục vụ dịch vụ bán trú

#### 1.9. Dịch vụ tin nhắn, số liên lạc điện tử (Nếu có)

+ Mức thu: Không

+ Nội dung chi:

*Chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ;*

*Chi cho công tác nhập liệu;*

*Chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có);*

*Chi khác... (yêu cầu chi tiết từng nội dung cụ thể).*

**1.10. Dịch vụ vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh (tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn)**

+ Mức thu: 20.000 đồng/học sinh/tháng

+ Nội dung chi:

*Tiền công cho người lao động;*

*Tiền dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn.*

#### 1.11. Dịch vụ điều hòa phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh

+ Mức thu: Theo thực tế số tiền ghi trên công tơ và số tiền sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng theo thực tế của từng lớp

+ Nội dung chi:

*Chi tiền điện: Số điện năng tiêu thụ thực tế x đơn giá/ số học sinh (từng lớp)*

*Chi sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng: Theo thực tế phát sinh / số học sinh của lớp*

## 2. Các khoản thu được quy định tại các văn bản khác

### 2.1. Khoản thu tiền nước uống cho học sinh

- + Dự kiến mức thu: 5.000đ/trẻ/tháng
- + Dự kiến nội dung chi:
- \* Trường hợp mua nước uống đóng chai.
- Chi phí mua nước uống: Theo thực tế số bình nước tiêu thụ trong tháng/số học sinh
- Chi phí công cụ, dụng cụ phục vụ trực tiếp cho việc tổ chức phục vụ nước uống cho học sinh: Theo thực tế

## 2.2. Khoản thu tiền đồ dùng, đồ chơi và học liệu

- + Mức thu: Nhà trẻ: 115.000đồng/trẻ
- Trẻ 3,4 tuổi: 125.000đồng/trẻ
- Trẻ 5 tuổi: 135.000đồng/trẻ
- + Nội dung chi: Mua đồ dùng, học liệu cho trẻ. Thực hiện quy trình theo TT47/2020-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở GDMN.

## 2.3. Khoản thu làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo

- + Mức thu: Không
- + Nội dung chi:
- + Chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có)
- + Nộp thuế:

## 2.4. Khoản thu Hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ năng khiếu

- + Mức thu: : Không
- + Nội dung chi:
- + Nộp thuế:

## 3. Các ý kiến tham gia đóng góp của các thành viên tham gia:

100% thành viên tham dự nhất trí với toàn bộ nội dung dự kiến chi tiết thu, chi của trường

## 4. Kết quả thống nhất sau khi tiếp thu các ý kiến của các thành viên tham gia:

Sau khi nghe đại diện lãnh đạo nhà trường trình bày nội dung và nghiên cứu số dự toán chi tiết thu chi các khoản kì II năm học 2024 -2025, các đại biểu cho ý kiến, kết quả tổng hợp như sau:


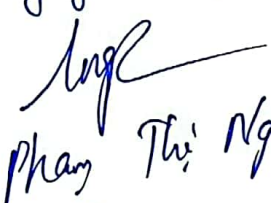

Đồng ý với các khoản thu, chi trên: 05/05, chiếm tỷ lệ 100 %

Không đồng ý: Không

Ý kiến khác: Không

Biên bản được lập xong vào hồi 16 giờ 30 ngày 02 tháng 12 năm 2024 đọc lại cho mọi người cùng nghe, 100% cùng thống nhất ký tên dưới đây./.

CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐẠI  
DIỆN CHA MẸ HỌC SINH  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Ngọc Thảo  
  
Phạm Thị Ngân  
  
Đào Thị Thủy

CÁC THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Hồ Phạm Thị Thảo  
  
Nguyễn Thị Thu Hà

HIỆU TRƯỞNG  
(Ký tên, đóng dấu)



  
HIỆU TRƯỞNG  
Phạm Thị Thu Hà



## BIÊN BẢN

Về việc thống nhất chủ trương về kế hoạch thu, dự kiến nội dung chi, mức thu của các khoản thu trong nhà trường năm học 2024-2025

Hôm nay ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại Trường mầm non Trần Hưng Đạo, Địa chỉ: Số 1, Phạm Sư Mệnh, Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương Chúng tôi gồm:

### I. THÀNH PHẦN

#### 1. Ban giám hiệu

- Bà: Phạm Thị Thu Hương

Chức vụ: Hiệu trưởng;

- Bà: Trương Thị Hồng Hạnh

Chức vụ: Phó hiệu trưởng;

#### 2. Thư ký:

- Ông (bà): Đinh Thị Thu Nguyên

#### 3. Tập thể cán bộ, viên chức, người lao động

- Số cán bộ, viên chức, người lao động được mời dự họp: 14 người

- Số cán bộ, viên chức, người lao động dự họp: 14 người

### II. NỘI DUNG

Đã tiến hành họp thống nhất chủ trương về kế hoạch thu, dự kiến nội dung chi, mức thu của các khoản thu trong nhà trường năm học 2024-2025.

Đồng chí Hiệu trưởng đại diện nhà trường báo cáo kết quả thống nhất chủ trương của Ban Giám hiệu, Hội đồng trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường về kế hoạch thu, dự kiến nội dung chi, mức thu của các khoản thu trong nhà trường năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

**1. Các khoản thu được quy định tại Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương:**

#### 1.1. Dịch vụ trông trẻ thứ 7

+ Mức thu: 60.000 đồng/ trẻ/ ngày

+ Nội dung chi:

*Chi công tác quản lý, NV: 25%*

*Chi gv trực tiếp giảng dạy: 71%*

*Chi điện, nước, VP phẩm: 2%*

*Nộp thuế DN: 2%*

#### 1.2. Dịch vụ trông trẻ trong hè

+ Mức thu: 6.300 đồng/ trẻ/ giờ

+ Nội dung chi:

*Chi người nấu ăn: 25%*

*Chi trông trưa, ngoài giờ: 53%*

*Quản lý: 20%*

*Nộp thuế DN: 2%*

#### 1.3. Đón sớm trả muộn

+ Mức thu: Không

+ Nội dung chi:

#### 1.4. Tiền ăn sáng của trẻ mầm non

+ Mức thu: Không

+ Nội dung chi:

### **1.5. Tiền ăn**

+ Mức thu: 23.000 đồng/trẻ/ ngày

+ Nội dung chi: Nhà trẻ 2 bữa chính+ 1 bữa phụ; Mẫu giáo 1 bữa chính+ 1 bữa phụ

**1.6. Phụ phí** (Chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)

+ Mức thu: 65.000 đồng/trẻ/ tháng

+ Nội dung chi: Chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa

**1.7. Dịch vụ chăm sóc, phục vụ bán trú (trả người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, quản lý)**

- Mức thu: 305.000 đồng/ trẻ/tháng

- Nội dung chi: Chi tiền công cho giáo viên làm ngoài trông trưa; chi công tác quản lý, chi tiền công cho nhân viên nấu ăn.

*Chi tiền nhân viên nấu ăn: 8.000.000 đồng*

*Chi công tác quản lý: 20%*

*Chi trông trưa: 73%*

*Chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có): 5%*

*Nộp thuế: 2%*

*Chi phí khác:*

**1.8. Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú (công cụ, dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân phục vụ dịch vụ bán trú) từ thời điểm ăn bán trú đến hết khoá học**

+ Mức thu: 200.000 đồng/ trẻ/ khóa

+ Nội dung chi: công cụ, dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân phục vụ dịch vụ bán trú

**1.9. Dịch vụ tin nhắn, số liên lạc điện tử (Nếu có)**

+ Mức thu: Không.

+ Nội dung chi:

**1.10. Dịch vụ vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh (tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn)**

+ Mức thu: 20.000 đồng/học sinh/tháng

+ Nội dung chi:

+ *Chi tiền công cho nhân viên quét dọn.*

+ *Mua sắm dụng cụ lao công, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn.*

+ *Chi phí dịch vụ vệ sinh môi trường.*

**1.11. Dịch vụ điều hòa phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh**

+ Mức thu: Theo thực tế số tiền ghi trên công tơ và số tiền sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng theo thực tế của từng lớp

+ Nội dung chi:

*Chi tiền điện: Số điện năng tiêu thụ thực tế x đơn giá/ số học sinh (từng lớp)*

*Chi sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng: Theo thực tế phát sinh / số học sinh của lớp*

## **2. Các khoản thu được quy định tại các văn bản khác**

### **2.1. Khoản thu tiền nước uống cho học sinh**

+ Dự kiến mức thu: 5.000đ/trẻ/tháng

+ Dự kiến nội dung chi:

\* *Trường hợp mua nước uống đóng chai.*

*Chi phí mua nước uống: Theo thực tế số bình nước tiêu thụ trong tháng/số học sinh*



Chi phí công cụ, dụng cụ phục vụ trực tiếp cho việc tổ chức phục vụ nước uống cho học sinh: Theo thực tế

## 2.2. Khoản thu tiền đồ dùng, đồ chơi và học liệu

+ Mức thu: Nhà trẻ: 115.000đồng/trẻ

Trẻ 3,4 tuổi: 125.000đồng/trẻ

Trẻ 5 tuổi: 135.000đồng/trẻ

+ Nội dung chi: Mua đồ dùng, học liệu cho trẻ. Thực hiện quy trình theo TT47/2020-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở GDMN.

## 2.3. Khoản thu làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo

+ Mức thu: Không

+ Nội dung chi:

+ Chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có)

+ Nộp thuế:

## 2.4. Khoản thu Hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ năng khiếu

+ Mức thu: Không.

+ Nội dung chi:

+ Nộp thuế:

## 3. Các ý kiến tham gia đóng góp của các thành viên tham gia:

100% thành viên tham dự nhất trí với toàn bộ nội dung dự kiến chi tiết thu, chi của trường

## 4. Kết quả thống nhất sau khi tiếp thu các ý kiến của các thành viên tham gia:

Sau khi nghe đại diện lãnh đạo nhà trường trình bày nội dung và nghiên cứu số dự toán chi tiết thu chi các khoản kì II năm học 2024 -2025, các đại biểu cho ý kiến, kết quả tổng hợp như sau:

Đồng ý với các khoản thu, chi trên: 14/ 14, chiếm tỷ lệ 100 %

Không đồng ý: Không

Ý kiến khác: Không

Biên bản được lập xong vào hồi 14 giờ ngày 03 tháng 12 năm 2024 đọc lại cho mọi người cùng nghe, 100% cùng thống nhất ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CÁN BỘ, VIÊN CHỨC,  
NGƯỜI LAO ĐỘNG  
(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ  
(Ký, ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG  
(Ký tên, đóng dấu)

*Nguyễn Thị Hạnh*



*Đinh Thị Thu Nguyễn*

HIỆU TRƯỞNG  
*Phạm Thị Thu Hương*

*Phạm Thị Loan*

*Nguyễn Thị Thu Hà*

*Phạm Thị Hằng*

*Phạm Thị Thảo*

*Phạm Thị Tuyết*

*Hương Thị Hằng*

*Lê Thị Phấn*

*Đào Thị Phương*

*Nài Thị Xuân Thiết*

*Trương T. Hồng Hạnh*

*Ngô Thị Nguyễn*

Hải Dương, ngày 02 tháng 12 năm 2024

## DỰ TOÁN

Các khoản thu, mức thu, nội dung chi các khoản thu  
trong nhà trường năm học 2024-2025

### A. CÁC KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 17/2024/NQ-HĐND NGÀY 18/10/2024 CỦA HĐND TỈNH HẢI DƯƠNG

#### I. Dịch vụ trông trẻ thứ 7

1. Mức thu: 60.000 đồng/ trẻ/ ngày

2. Nội dung chi:

Chi công tác quản lý, NV: 25%

Chi gv trực tiếp giảng dạy: 71%

Chi điện, nước, VP phẩm: 2%

Nộp thuế DN: 2%

#### II. Dịch vụ trông trẻ trong hè

1. Mức thu: 6.300 đồng/ trẻ/ giờ

2. Nội dung chi:

Chi người nấu ăn: 25%

Chi trông trưa, ngoài giờ: 53%

Quản lý: 20%

Nộp thuế DN: 2%

#### III. Đón sớm trả muộn

1. Mức thu: Không

2. Nội dung chi:

#### IV. Tiền ăn sáng của trẻ mầm non (Nếu có)

1. Mức thu: Không

2. Nội dung chi:

#### V. Tiền ăn

1. Mức thu: 23.000 đồng/trẻ/ ngày

2. Nội dung chi: Nhà trẻ 2 bữa chính+ 1 bữa phụ; Mẫu giáo 1 bữa chính+ 1 bữa phụ

#### VI. Phụ phí

1. Mức thu: 65.000 đồng/trẻ/ tháng

2. Nội dung chi: Chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa

#### VII. Dịch vụ chăm sóc, phục vụ bán trú

1. Mức thu: 305.000 đồng/trẻ/ tháng

2. Nội dung chi:

Chi tiền nhân viên nấu ăn: 8.000.000 đồng

Chi công tác quản lý: 20%

Chi trông trưa: 73%

Chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có): 5%

Nộp thuế: 2%

Chi phí khác:





**VIII. Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú**

1. Mức thu: 200.000 đồng/ trẻ/ khóa

2. Nội dung chi: công cụ, dụng cụ, đồ dung phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân phục vụ dịch vụ bán trú

*(Mức thu không quá 200.000 đồng/học sinh từ thời điểm ăn bán trú đến hết khoá học)***IX. Dịch vụ vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh**

1. Mức thu: 20.000 đồng/học sinh/tháng

- Tổng số học sinh: 100 HS; Số học sinh dự kiến không thu: 0 HS; Số học sinh dự kiến thu 100 HS

**2. Nội dung chi:**

1.1. Tiền công cho người lao động: 1.000.000đồng/tháng

- Số người: 01 người

1.2. Tiền dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn: 868.166đồng/tháng. Tiền phí dịch vụ môi trường: 131.834đồng

Tổng chi 1 tháng: 2.000.000 đồng (1.1+1.2)

**Mức thu/tháng = Tổng chi 1 tháng : Số học sinh dự kiến thu.****X. Thu dịch vụ tin nhắn, số liên lạc điện tử (Nếu có)**

1. Căn cứ xây dựng mức thu: Báo giá dịch vụ của các đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Mức thu: 0 đồng/học sinh/tháng

**3. Nội dung chi:**

- Chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ;

- Chi cho công tác nhập liệu;

- Chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có);

- Chi khác...(yêu cầu chi tiết từng nội dung cụ thể).

*(Mức thu không quá 10.000 đồng/học sinh/tháng)***XI. Thu dịch vụ điều hòa phục vụ nhu cầu của học sinh**

1. Mức thu: Theo thực tế số điện năng tiêu thụ trên công tơ và chi phí bảo dưỡng, sửa chữa điều hòa (nếu có) của từng lớp

**2. Nội dung chi:**2.1. Chi tiền điện: *Căn cứ vào công suất, số điện năng tiêu thụ, đơn giá để tính dự toán tiền điện/lớp/tháng.*

2.2. Chi sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng: Theo thực tế

**B. CÁC KHOẢN THU ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI CÁC VĂN BẢN KHÁC****I. Khoản thu tiền nước uống cho học sinh****1. Cơ sở xây dựng mức thu**

- Định mức nước uống theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học.

- Giá nước uống trên thị trường (báo giá);

- Chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có);

- Chi phí sửa chữa, cải tạo hệ thống lọc nước; tiền điện vận hành máy lọc; nước sạch để lọc thành nước uống (nếu hình thức tổ chức phục vụ nước uống là sử dụng máy lọc nước)

- Công cụ, dụng cụ phục vụ trực tiếp cho việc tổ chức phục vụ nước uống cho học sinh.

**2. Tính toán mức thu:**

**2.1. Trường hợp mua nước uống đóng chai.**

- Số lượng nước uống BQ 1 học sinh/1 tháng: 20 lít
- Đơn giá nước uống: 909 đồng/lít
- Chi phí lựa chọn nhà thầu: không
- Chi phí công cụ, dụng cụ bình quân phục vụ trực tiếp cho việc tổ chức phục vụ nước uống cho học sinh: 0 đồng/1 đợt

**Mức thu:** Căn cứ vào số lượng nước tiêu dùng của năm học trước và tình hình thực tế học sinh của trường mức thu **5.000đ/tháng/hs**

**2.2. Trường hợp sử dụng máy lọc nước: Không****II. Khoản thu tiền đồ dùng, đồ chơi và học liệu****1. Cơ sở xây dựng mức thu:**

- Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non.
- Giá đồ dùng, đồ chơi, học liệu trên thị trường (báo giá);
- Chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có);

**2. Mức thu:** Nhà trẻ: 115.000đồng/trẻ

Trẻ 3, 4 tuổi: 125.000đồng/trẻ

Trẻ 5 tuổi: 135.000đồng/trẻ

**3. Nội dung chi:** Mua đồ dùng, học liệu cho trẻ. Thực hiện quy trình theo TT47/2020-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở GDMN.

**III. Khoản thu làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo****1. Cơ sở xây dựng mức thu**

- Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo.
- Chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có);

**2. Mức thu: Không****3. Nội dung chi:**

- + Nộp thuế
- + Chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có)

**IV. Khoản thu Hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ năng khiếu**

+ Mức thu: **Không**

+ Nội dung chi:

+ Nộp thuế

Trên đây là Dự toán các khoản thu, mức thu, nội dung chi các khoản thu của trường MN Trần Hưng Đạo năm học 2024-2025./.

**HIỆU TRƯỞNG****Phạm Thị Thu Hương**



Hải Dương, ngày 06 tháng 01 năm 2025

## TỔNG HỢP

Về việc tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia đối với kế hoạch thu, chi và dự toán chi tiết các khoản thu năm học 2024-2025

Thực hiện nhiệm vụ năm học, nhà trường đã thống nhất chủ trương về kế hoạch thu các khoản thu, dự kiến nội dung chi, mức thu trong Ban Giám hiệu, Hội đồng trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh; sau đó lấy ý kiến thống nhất của tập thể cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị về việc thực hiện các khoản thu trong năm học 2024-2025.

Căn cứ các quy định tài chính hiện hành; các văn bản hướng dẫn thực hiện hoạt động dạy và học của cấp có thẩm quyền; lương bình quân theo giờ dạy của giáo viên; giá cả thị trường; chi phí lựa chọn nhà thầu (nếu có); nhu cầu cần thiết...Nhà trường đã lập kế hoạch thu, chi và dự toán chi tiết (bao gồm dự kiến nguồn thu, các nội dung chi, dự kiến mức chi cụ thể, trên cơ sở đó xác định mức thu của từng khoản thu), niêm yết công khai bằng hình thức trên bảng tin tại trường MN Trần Hưng Đạo từ ngày 02 tháng 12 năm đến ngày 02 tháng 01 năm 2025 để tiếp thu ý kiến đóng góp, hoàn thiện kế hoạch và dự toán.

Sau khi kết thúc thời gian niêm yết không có ý kiến tham gia, góp ý. Căn cứ vào kết quả trên nhà trường đã hoàn chỉnh kế hoạch thu, chi và dự toán để thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định hiện hành./.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Thị Thu Hương**

Hải Dương, ngày 06 tháng 01 năm 2025

## TỔNG HỢP

### Ý kiến tham gia của cha mẹ học sinh đối với kế hoạch thu, chi và dự toán chi tiết các khoản thu học kỳ II năm học 2024-2025

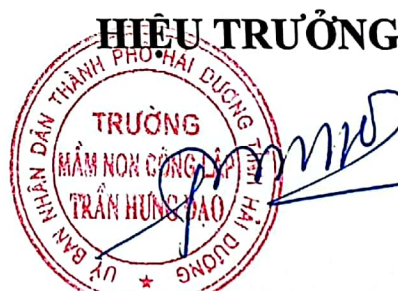
Thực hiện nhiệm vụ năm học, nhà trường đã thống nhất chủ trương về kế hoạch thu các khoản thu, dự kiến nội dung chi, mức thu trong Ban Giám hiệu, Hội đồng trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh; sau đó lấy ý kiến thống nhất của tập thể cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị về việc thực hiện các khoản thu trong năm học 2024-2025.

Căn cứ các quy định hiện hành, nhà trường đã lập kế hoạch thu, chi và dự toán chi tiết (bao gồm dự kiến nguồn thu, các nội dung chi, dự kiến mức chi cụ thể, trên cơ sở đó xác định mức thu của từng khoản thu), niêm yết công khai bằng hình thức trên bảng tin tại trường từ ngày 03 tháng 12 năm 2024 đến ngày 02 tháng 01 năm 2025 để tiếp thu ý kiến đóng góp, đồng thời hoàn thiện kế hoạch và dự toán.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025 Nhà trường đã tổ chức họp cha mẹ học sinh các lớp để thỏa thuận, lấy ý kiến thống nhất của toàn thể cha mẹ học sinh về các khoản thu và mức thu các khoản thu trong nhà trường năm học 2024-2025.

Kết quả tổng hợp ý kiến và tiếp thu giải trình: Không có ý kiến nào.

Căn cứ vào kết quả trên nhà trường đã hoàn chỉnh kế hoạch thu, chi và dự toán trình Phòng Giáo dục và Đào tạo xem xét, thẩm định, phê duyệt để nhà trường tổ chức thực hiện./.



**Phạm Thị Thu Hương**